

Số: 60/QĐ-THPTTS

Tập Sơn, ngày 10 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 02 năm 2025 của Trường THPT Tập Sơn

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TẬP SƠN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1434/QĐ-SGDĐT ngày 30/12/2024 của Sở Giáo dục và đào tạo Trà Vinh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ hồ sơ thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 02 năm 2025;

Xét đề nghị của bộ phận Tài vụ.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 02 năm 2025 của trường THPT Tập Sơn (theo các biểu đính kèm)

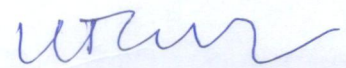
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận Tài vụ và các bộ phận, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận

- Sở GDĐT;
- Website trường;
- Như Điều 3;
- Lưu : VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Tăng Hoàng Triều

SỞ GD-ĐT TRÀ VINH
TRƯỜNG THPT TẬP SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chương: 422

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 02/2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THPT Tập Sơn công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 02/2025 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 02 năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện (quý 02 năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	1.859.880.000	363.568.000	20%	0
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	Thu SXKD, dịch vụ	1.859.880.000	363.568.000	20%	0
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	1.783.842.000	-	0%	0
1	Chi sự nghiệp	1.584.657.000	-	0%	0
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.584.657.000	-	0%	0
2	Chi quản lý hành chính	199.185.000	-	0%	0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	199.185.000	-	0%	0
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	76.038.000	48.532.860	64%	0
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	SXKD, dịch vụ	76.038.000	48.532.860	64%	0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	17.790.127.000	5.795.405.529	33%	173%
I	Nguồn ngân sách trong nước	17.790.127.000	5.795.405.529	33%	173%
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 02 năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện (quý 02 năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	17.790.127.000	5.795.405.529	33%	173%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	16.652.231.000	5.523.253.929	33%	173%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.137.896.000	272.151.600	24%	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 02 năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện (quý 02 năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 02 năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện (quý 02 năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Tập Sơn, ngày 10 tháng 7 năm 2025

Kế toán



Nguyễn Thị Thúy Kiều

Thủ trưởng đơn vị



Tăng Hoàng Triều